

## TIẾNG HÀ NỘI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TIẾNG VIỆT TOÀN DÂN

GS. TS Nguyễn Văn Khang\*

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chung của nước Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Ngay cả khi nước nhà bị xâm lăng, với chính sách đồng hoá của thực dân về dân tộc trong đó có đồng hoá ngôn ngữ, tiếng Việt không những không bị mất đi mà vẫn được nhân dân ta giữ gìn và phát triển. Kể từ năm 1945 đến nay, mặc dù cụm từ “ngôn ngữ quốc gia” chưa xuất hiện trong các văn bản pháp lý, nhưng tiếng Việt thực sự đảm nhiệm chức năng ngôn ngữ quốc gia của nước Việt Nam thống nhất, xã hội chủ nghĩa, đa dân tộc, đa ngôn ngữ và đa văn hoá. Gắn với sự tồn tại và phát triển của tiếng Việt là các phương ngữ tiếng Việt, trong đó có tiếng Hà Nội.

Trong tiếng Việt có một khái niệm gọi là *tiếng* dùng để thể hiện cho cả *ngôn ngữ* (language) và *phương ngữ* (dialect). Khi nói “tiếng Việt” thì *tiếng* có nghĩa là “ngôn ngữ”; khi nói “tiếng Hà Nội” thì *tiếng* có nghĩa là “phương ngữ”. Vì thế, trước hết, mối quan hệ tiếng Hà Nội và tiếng Việt toàn dân là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và phương ngữ: Tiếng Hà Nội là một phương ngữ của tiếng Việt.

1.1. Tiếng Hà Nội là tiếng của người Hà Nội, theo đó, *tiếng Hà Nội là phương ngữ địa lý của tiếng Việt toàn dân*. Xét từ mối quan hệ giữa ngôn ngữ với phương ngữ địa lý (regional dialect), có thể thấy mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội và tiếng Việt có một số đặc điểm đáng chú ý như sau:

- Phương ngữ là hình thức của ngôn ngữ, vì thế nói đến đến ngôn ngữ là nói đến sự chuẩn mực (standard) còn phương ngữ chỉ là biến thể (chưa chuẩn mực/á chuẩn; substandard/nonstandard). Với cách nhìn này, tiếng Hà Nội là một biểu hiện (biến thể) của tiếng Việt toàn dân. Điều này có thể nhận ra ở việc người Hà Nội trong giao tiếp nói không phân biệt các âm (ch) - (tr), (r) - (gi) - (d). Nếu nhìn từ góc độ hiện nay của địa lý Hà Nội và người Hà Nội thì một số người Hà Nội ở địa bàn Gia Lâm, Đông Anh, Vĩnh Tuy, Đan Phượng, Phúc Thọ, thậm chí cả trong nội thành còn phát âm lẫn lộn giữa (n) và (l); một số người Hà Nội khi nói những từ có thanh huyền thường phát cao hơn thanh huyền của tiếng Việt toàn dân (như một số địa phương vùng Sơn Tây); các từ có (iê) được một số người Hà Nội chuyển thành (ê) (ví dụ: *điều* thành *đều*, *nhieu* thành *nhều*...).

---

\* Viện Ngôn ngữ học.

- Phạm vi sử dụng của phương ngữ hẹp hơn ngôn ngữ, theo đó, tiếng Hà Nội chỉ sử dụng trong phạm vi Hà Nội còn tiếng Việt toàn dân sử dụng trong phạm vi toàn quốc.

- Là biến thể địa lý của ngôn ngữ, phương ngữ cùng với việc mang những đặc điểm chung của ngôn ngữ còn có những đặc điểm riêng, tuy nhiên, sự khác nhau đó hầu như không ảnh hưởng đến giao tiếp giữa những người nói các phương ngữ khác nhau của cùng một ngôn ngữ. Với cách nhìn này, tiếng Hà Nội mang những đặc điểm cơ bản của tiếng Việt toàn dân và vì thế, những người nói tiếng Hà Nội có thể giao tiếp với những người nói các phương ngữ tiếng Việt trên khắp miền của Tổ quốc mà ít gặp các cản trở. Bên cạnh đó, tiếng Hà Nội còn có những đặc điểm riêng ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cả trong giao tiếp. Chẳng hạn, ngoài cách phát âm nêu ở trên, người nghe còn cảm nhận được giọng của người Hà Nội có phần "nhẹ" hơn so với các vùng khác (ví dụ, so sánh với tiếng Việt phương ngữ miền Trung). Vì *giọng* "là một tập hợp các yếu tố ngữ âm khác nhau đồng thời xuất hiện khi phát âm và đồng thời được tiếp nhận khi nghe" (Hoàng Tuệ, 1999) nên chúng ta thường được nghe những cảm nhận về tiếng Hà Nội như "anh ấy nói tiếng Hà Nội", "chị ấy nói giọng Hà Nội nhẹ nhàng". Trong giao tiếp, có thể nhận ra cách phát âm thiên về mặt lưỡi đối với âm (ch) (*chúng em, chúng mình*) của các cô gái Hà Nội, cách xưng hô "*cậu*", "*mợ*" trong các gia đình của người Hà Nội trước đây và xu hướng nhập cách xưng gọi "*gì*", "*thím*", "*mợ*" thành "*cô*", "*cậu*" thành "*chú*" trong cách xưng hô của giới trẻ trong các gia đình Hà Nội hiện nay. Nếu nghiên cứu về địa danh Hà Nội sẽ thấy những đặc điểm riêng mà chỉ ở Hà Nội mới có, chẳng hạn, tên gọi 36 "*hàng*" của đường phố Hà Nội (*Hàng Thiếc, Hàng Thùng, Hàng Bạc, Hàng Vôi, Hàng Bông, Hàng Đồng, Hàng Hành, Hàng Điếu,...*).

**1.2.** Hà Nội là một thành phố vì thế, *tiếng Hà Nội là phương ngữ thành thị của tiếng Việt toàn dân*. Nói đến phương ngữ thành thị (urban dialect) là nhằm phân biệt với phương ngữ nông thôn (rural dialect). Sự khác nhau giữa chúng được thể hiện ở các điểm chính sau:

- Phương ngữ thành thị được coi là hình thái cao của phương ngữ (H; high) trong sự tương quan với hình thái thấp (L; low) của phương ngữ nông thôn (rural dialect), nên phương ngữ thành thị còn được gọi là bán phương ngữ (semi dialect).

- Phương ngữ thành thị là cầu nối giữa ngôn ngữ văn học và phương ngữ.

- Phương ngữ thành thị thường tiến bộ hơn phương ngữ nông thôn.

- Phương ngữ thành thị góp phần vào việc đẩy mạnh quá trình thống nhất ngôn ngữ.

- Mọi sự tiến bộ, cách tân trong ngôn ngữ đều bắt đầu từ đô thị lớn rồi lan truyền đến đô thị nhỏ sau đó mới đến nông thôn.

Những đặc điểm trên thể hiện rất rõ trong mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội với tiếng Việt toàn dân: tiếng Hà Nội gần với tiếng Việt toàn dân đến mức một số ý kiến cho rằng, nên lấy tiếng Hà Nội làm tiếng Việt chuẩn mực (tiếng Việt toàn dân). Trong không ít trường hợp, những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới sử dụng trong tiếng Việt được bắt đầu từ tiếng Hà Nội, sau đó lan tỏa ra các vùng phương ngữ khác và trở thành cách dùng của tiếng Việt toàn dân. Điều này có thể chứng minh bằng tiếng Hà Nội trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước: nhiều từ mới, khái niệm mới, cách diễn đạt mới được sử dụng lần đầu trên báo *Hà Nội Mới* sau đó trở thành từ ngữ, cách diễn đạt của tiếng Việt toàn dân.

**1.3.** Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, theo đó, *tiếng Hà Nội còn có một cách gọi khác là tiếng Thủ đô* (đầy đủ: tiếng Thủ đô Hà Nội). Thiết nghĩ, cần thiết phải giải quyết mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội với tiếng Thủ đô trong sự tương quan với tiếng Việt toàn dân.

Nếu nhìn Hà Nội như một địa phương của Việt Nam thì Hà Nội có những đặc điểm xã hội, lịch sử, văn hoá,... chung của Việt Nam, đồng thời lại có những đặc trưng riêng làm nên Hà Nội và chỉ ở Hà Nội mới có. Ví dụ, trong văn chương cũng như nhạc hoạ Việt Nam thường nhắc đến hình ảnh của mái ngói xô nghiêng, những căn nhà chật hẹp ở phố Hàng Đào với cách sống rất riêng của họ, những quán cóc vỉa hè, những gánh hàng rong, nhịp sống thong thả, cách ăn nói điềm đạm của người dân Hà Nội "chính gốc"... Đó là những nét đẹp truyền thống, mang hương vị riêng của Hà Nội. Nhưng, liệu những đặc điểm này có coi là những đặc điểm của Thủ đô Việt Nam - trung tâm văn hoá, kinh tế, chính trị của cả nước? Từ sự liên hệ hơi có phần "giản đơn" như vậy, chúng tôi muốn nói đến mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội và tiếng Thủ đô.

Cũng giống như các phương ngữ khác, tiếng Hà Nội có nhiều các tiểu phương ngữ hay thổ ngữ (subdialects; patois). Nói cách khác, thổ ngữ cũng là tiếng địa phương nhưng trong một phạm vi địa lý nhỏ hẹp, thường là ở phạm vi làng xã, rộng hơn một chút là huyện. Đặc điểm dễ nhận thấy của thổ ngữ là cách phát âm mang tính đặc thù, riêng cho một địa phương nhỏ (thổ âm) và cũng có một số từ ngữ riêng của các thổ ngữ đó. Tiếng Hà Nội vùng Cổ Nhuế, Bát Tràng, Ba Vì,... có thể coi là các thổ ngữ của tiếng Hà Nội. Như vậy, thiết nghĩ, với tên gọi Thủ đô nhưng Hà Nội vẫn có thể phân nhỏ thành các tiểu khu vực địa lý - hành chính khác nhau: có khu trung tâm, có khu ngoại ô, có khu cũ, khu mới,... Mỗi khu có những đặc điểm riêng trong đó có biến thể của tiếng Hà Nội. Nhìn một cách tổng thể, tiếng Hà Nội có thể phân làm hai loại:

(1) Tiếng Hà Nội gần hoặc trùng với tiếng Việt toàn dân. Đó là tiếng Hà Nội của các cư dân Hà Nội lâu đời, ở khu trung tâm Hà Nội, tiếng Hà Nội trong giao tiếp công sở, tiếng Hà Nội trên các phương tiện truyền thông Hà Nội (Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, báo *Hà Nội Mới* và các báo chí khác của Hà Nội).

(2) Tiếng Hà Nội có đặc điểm khác với tiếng Việt toàn dân, tức là các biến thể của tiếng Hà Nội. Đó là tiếng Hà Nội của cư dân ở các vùng ven đô, các vùng ngoại ô, các thổ ngữ của tiếng Hà Nội, tiếng Hà Nội của các cư dân từ nơi khác nhập cư vào Hà Nội và vẫn còn mang ít nhiều giọng địa phương của mình.

Từ cách nhìn này, có thể coi tiếng Thủ đô là tiếng Hà Nội (1), tiêu biểu, gần hoặc trùng với tiếng Việt toàn dân và được coi là phương ngữ đô thị tiêu biểu so với các phương ngữ đô thị khác của tiếng Việt toàn dân.

2. Với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt, ngôn ngữ một mặt phản ánh sự biến động của xã hội và mặt khác chịu sự tác động của xã hội cũng như tác động trở lại xã hội. Từ góc độ này có thể thấy, tiến trình phát triển của tiếng Việt gắn liền tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam; tiến trình phát triển của tiếng Hà Nội gắn liền tiến trình phát triển của Hà Nội. Vì thế, khi bàn về mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội với tiếng Việt toàn dân không thể không thảo luận về hai khái niệm để thống nhất về mặt lý thuyết nhưng khó thống nhất về thực tế, đó là khái niệm "tiếng Việt toàn dân" và khái niệm "tiếng Hà Nội".

2.1. Liên quan đến *khái niệm tiếng Việt toàn dân*, có một khái niệm ngôn ngữ học là “ngôn ngữ toàn dân”. Ngôn ngữ toàn dân được hiểu là một hiện tượng lịch sử - văn hoá, đó là cái hình thức trau chuốt có ý thức của cách nói năng mà ta phải học tập thì mới có được (Hoàng Thị Châu, 1988). Tạm gác lại những bàn thảo xung quanh khái niệm này liên quan đến ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ văn học, có thể coi “tiếng Việt toàn dân” là tiếng Việt chuẩn mực.

Chuẩn ngôn ngữ hay ngôn ngữ chuẩn mực là một khái niệm thuộc phạm vi lịch sử - xã hội, mang tính giai đoạn. Vì thế, chuẩn ngôn ngữ không phải là bất biến mà chỉ là sự lựa chọn trong những sự lựa chọn, tức là một sự lựa chọn trong khi có thể còn có những sự lựa chọn khác và cách lựa chọn này như thế nào được quyết định bởi một xã hội nhất định ở trong một giai đoạn nhất định. Có một thực tế trong ngôn ngữ là rất có thể “lỗi của hôm qua trở thành chuẩn hôm nay, lỗi hôm nay sẽ là chuẩn ngày mai” (Claude Hagège).

Tiếng Việt toàn dân luôn phát triển trên một cơ tầng ổn định. Trong quá trình phát triển đó, nhiều yếu tố, hiện tượng của tiếng Việt lùi lại phía sau, trở thành cũ để nhường chỗ cho các yếu tố, các hiện tượng tiếng Việt mới. Hiện nay, tiếng Việt toàn dân đang có những thay đổi dưới tác động của hàng loạt các nhân tố xã hội ngôn ngữ, trong đó đáng chú ý là:

- Tác động của đô thị hoá và sự tác động của nền kinh tế thị trường đã và đang tạo ra sự lưu chuyển dòng người giữa ba miền, giữa các địa phương trong một vùng, sự lưu chuyển hai chiều từ nông thôn ra thành thị và ngược lại. Điều này tạo nên mối quan hệ tương tác giữa các phương ngữ tiếng Việt, giữa tiếng Việt phương ngữ với tiếng Việt toàn dân cũng như sự tương tác giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

- Tác động của toàn cầu hoá và sự bùng nổ của công nghệ thông tin đang làm cho vị thế tiếng Anh được nâng cao và trở nên thông dụng hơn ở Việt Nam. Điều này tạo ra sự ảnh hưởng của tiếng Anh đối với các ngôn ngữ ở Việt Nam trong đó chủ yếu là tiếng Việt.

- Tác động của con người đối với ngôn ngữ, đó là thái độ ngôn ngữ của người Việt và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ.

Có thể coi đó là những nhân tố mạnh đang tác động đến các ngôn ngữ ở Việt Nam ở cả bình diện cấu trúc - hệ thống cũng như bình diện chức năng. Từ đây, khái niệm “tiếng Việt toàn dân” càng trở nên phức tạp hơn. Chẳng hạn, chúng ta thường nói đến chuẩn tiếng Việt trong đó có chuẩn phát âm tiếng Việt. Vậy, chuẩn của phát âm tiếng Việt toàn dân là gì khi mà cả Đài Truyền hình Trung ương (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) đều sử dụng cả giọng Bắc và giọng Nam với những đặc điểm riêng, đều không phân biệt (tr) với (ch), (r) với (gi), (d),... Việc sử dụng như vậy làm nảy sinh các cách nhìn khác nhau về thái độ ngôn ngữ trong xã hội Việt Nam hiện nay, chẳng hạn:

- Chuẩn hoá tiếng Việt ở bình diện ngữ âm mới chỉ thực hiện được ở chữ viết (chính tả) chứ chưa thực hiện được ở giao tiếp nói.

- Cùng với việc chuẩn hoá chính tả cần phải chuẩn hoá ngữ âm tiếng Việt ở các mặt giao tiếp.

- Không nên chuẩn hoá hay tìm một cách phát âm chung mang tính “siêu phương ngữ” trong giao tiếp nói mà nên để tồn tại tính đa dạng về phát âm của lời nói như hiện có trong sự thống nhất về cách viết.

Một ví dụ khác, do sự thông thương giữa ba miền và tính năng động của nền kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, một số vùng phía Nam nói chung đã làm cho hàng loạt các từ ngữ, các cách nói vốn chỉ được coi là của “phương ngữ Nam Bộ” đang được dùng phổ biến trong cả nước, trong đó có Hà Nội và các từ ngữ này, cách nói này có thể thay thế hoặc phân bố lại cách dùng đối với các từ ngữ tiếng Việt toàn dân. Ví dụ: *trái/quả, heo/lợn, nhí/bé/nhi đồng, tiêu chày/ĩa chày, ủa/ối/ới, bông tai/hoa tai, ly/chén, chả giò, măng cầu, chôm chôm*.

2.2. *Khái niệm tiếng Hà Nội*, về mặt lý thuyết, có thể được hiểu là tiếng Việt của người Hà Nội. Vấn đề còn lại mà thực tế phải giải quyết là địa danh Hà Nội và người Hà Nội liên quan đến khái niệm tiếng Hà Nội.

Địa danh Hà Nội đã thay đổi nhiều trong tiến trình lịch sử 1.000 năm. Ngày nay, địa danh Hà Nội ôm trọn cả tỉnh Hà Tây, một phần địa phận của Phúc Yên và Hoà Bình. Vậy, không thể không coi các tiếng như tiếng Phú Xuyên, tiếng phố Gạch (Sơn Tây), tiếng Phùng (Đan Phượng), tiếng Sài Sơn, tiếng Ba Vì... là tiếng Hà Nội.

Người Hà Nội là ai khi các nhân tài đất Việt đổ về Hà Nội và theo sau là cả một gia đình; khi những người con trai, con gái từ các miền khác của Việt Nam về làm dâu, rể Hà Nội,... và sinh cơ lập nghiệp ở đây. Kể từ khi xuất hiện nền kinh tế thị trường, dòng người đổ về Hà Nội ngày càng nhiều, người thì định cư ở đây, người thì đến rồi lại đi, rồi lại đến... Hàng năm có tới hàng triệu lượt người vào ra Hà Nội... Nhìn từ góc độ lý thuyết thích nghi (Theory of accommodationary) của ngôn ngữ học xã hội (sociolinguistics), mỗi người đến Hà Nội, tức là chuyển từ một cộng đồng giao tiếp (speech community) này sang một cộng đồng giao tiếp khác, đều một mặt, phải từ bỏ một số yếu tố tiếng địa phương của mình và tiếp nhận một số yếu tố của tiếng Hà Nội để hoà nhập vào cộng đồng giao tiếp Hà Nội, đồng thời, họ vẫn giữ và sử dụng một số yếu tố tiếng địa phương của mình trong giao tiếp xã hội và có thể giữ phần lớn các yếu tố tiếng địa phương của họ trong giao tiếp gia đình. Cách giao tiếp ấy đã tác động đến tiếng Hà Nội và cũng chính cách giao tiếp ấy đã “quảng bá” tiếng Hà Nội, làm cho tiếng Hà Nội lan toả ra các vùng khác mỗi khi họ về quê (tức là, tác động của tiếng Hà Nội đến các phương ngữ khác của tiếng Việt).

Chính sự tác động của các nhân tố xã hội - ngôn ngữ như nêu ở trên nên không thể có một khái niệm tiếng Hà Nội chung chung mà chỉ có một khái niệm tiếng Hà Nội gắn với từng giai đoạn lịch sử, đó là tiếng Hà Nội theo phân kỳ lịch sử hoặc tiếng Hà Nội từ các góc nhìn khác nhau. Chẳng hạn, nếu Hà Nội có nội thành Hà Nội và ngoại thành Hà Nội thì phải chăng tiếng Hà Nội cũng có tiếng Hà Nội nội thành và tiếng Hà Nội ngoại thành (mà theo quan niệm truyền thống thì nội thành chỉ giới hạn trong 36 “hàng”). Ví dụ, nhà văn Tô Hoài chỉ coi tiếng bờ hồ Hoàn Kiếm mới là tiếng Hà Nội, còn tiếng ngoại ô là tiếng các làng, “không nên xem ngang nhau tiếng bờ hồ Hoàn Kiếm hoặc chợ Đồng Xuân với tiếng vùng ngoại ô. Bởi sự hình thành và nguồn gốc tạo nên tiếng nói, giọng nói hai vùng này hoàn toàn khác nhau” (Tô Hoài). Nội dung này cũng có thể thấy ở ý kiến của một số tác giả khác: “Trong thành phố Hà Nội và ngoại ô cũ, ngay một số làng ở tây bắc cách đây vài mươi năm còn phải phát âm dấu “sắc”, dấu “huyền” không giống ở bờ hồ Hoàn Kiếm hoặc chợ Đồng Xuân” (Lưu Hữu Phước); “một số điểm ngoại thành ngày nay, bà con có giọng nói khác với giọng nói ở nội thành” (Nguyễn Kim Thản); [dẫn theo Nguyễn Thị Kim Loan, 2007].

2.3. Với cách nhìn động về khái niệm Hà Nội và tiếng Việt toàn dân như trên thì *mối quan hệ giữa tiếng Hà Nội với tiếng Việt toàn dân cũng phải được nhìn ở góc độ động*. Tức là, có thể xem xét mối quan hệ giữa chúng theo quan hệ tương ứng (cùng một giai đoạn), và mối quan hệ giữa chúng theo diễn tiến của lịch sử hoặc bất tương ứng về giai đoạn nhằm giúp cho việc phát hiện những nét đặc thù nhờ sự so sánh đối chiếu này.

Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, Hà Nội sớm trở thành Thủ đô của nước Việt Nam. Với một ngàn năm lịch sử, Hà Nội là hồn thiêng sông núi, là đầu não, trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của cả nước, là nơi tụ họp của các bậc hiền tài, vì thế *tiếng Thủ đô được hoàn thiện, trau dồi trên cơ sở của tiếng Hà Nội nên đã rất gần với tiếng Việt toàn dân, tiếng Việt văn học*. Nếu nói không quá thì vòng ranh giới của tiếng Thủ đô và tiếng Việt toàn dân, tiếng Việt văn học đã gần như chồng lấp lên nhau (overlapping). Theo đó, tiếng Thủ đô với sức mạnh của đô thị hoá đã và đang lan toả, làm mờ dần tiếng Hà Nội ven đô cũng như các thổ ngữ Hà Nội. (Đây chính là một trong những lý do về khó khăn trong nghiên cứu tiếng Hà Nội, nhất là khi ngược dòng lịch sử: các băng ghi âm về tiếng Hà Nội, giọng Hà Nội trước đây thì hầu như không có, trong khi đó tiếng Việt được sử dụng trong các tác phẩm viết về Hà Nội hay của tác giả Hà Nội thì hầu như là tiếng Việt toàn dân).

3. Trải qua 1.000 năm lịch sử, Hà Nội hôm nay đang mở rộng về mọi mặt từ không gian đến con người, đến kinh tế, văn hoá,... từ vị thế trong nước đến trên trường quốc tế... Những nhân tố xã hội ấy đang tác động đến ngôn ngữ văn hoá Hà Nội nói chung, tiếng Hà Nội nói riêng. Có thể có người sẽ cho là quá lời khi chúng tôi cho rằng, dưới tác động của các nhân tố xã hội - ngôn ngữ hiện nay, *tiếng Hà Nội đang mất dần những nét bản sắc đặc thù nhưng lại được cấp thêm những nét đa dạng*: Những vùng đất mới và những con người mới ở vùng mở rộng Hà Nội đang đem đến cho Hà Nội những tiểu phương ngữ mới; những cư dân mới từ các nơi khác (cả trong nước và nước ngoài) đến sống và làm việc lâu dài hay tạm thời tại Hà Nội không chỉ mang đến cho tiếng Hà Nội những nét phương ngữ mới mà còn tạo ra một thứ phương ngữ pha trộn (mixing) được tạo ra từ sự giao thoa giữa tiếng mẹ đẻ của họ và tiếng Hà Nội; sự phân tầng xã hội với việc hình thành các nhóm xã hội tại Hà Nội cũng đang làm xuất hiện các biến thể tiếng Hà Nội như biến thể tiếng Hà Nội của cư dân mạng Hà Nội, biến thể tiếng Hà Nội của các ông chủ và của người làm thuê ở Hà Nội, biến thể tiếng Hà Nội của các tiểu thương Hà Nội, của giới học sinh, sinh viên Hà Nội và cả biến thể tiếng Hà Nội của những nhóm người “sống trong bóng tối” ở Hà Nội;... Những biến động ấy không ít thì nhiều đã và đang tác động đến tiếng Hà Nội nói chung, tiếng Thủ đô nói riêng.

Trước tình hình này, thiết nghĩ cần có những đầu tư nghiên cứu về tiếng Hà Nội, một mặt để giữ lại tất cả các biến thể của tiếng Hà Nội, nhất là các thổ ngữ đang có nguy cơ mất đi nhanh chóng trước tác động của đô thị hoá với sự ảnh hưởng của tiếng Việt toàn dân và tác động của toàn cầu hoá với sự ảnh hưởng của tiếng Anh; mặt khác, cũng là để phát huy vị thế của tiếng Hà Nội mà tinh hoa là tiếng Thủ đô, góp phần vào xây dựng, phát triển và hiện đại hoá Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Kim Bảng (và các tác giả khác), “Đặc trưng ngữ âm tiếng Cổ Nhuế”, trong *Ngôn ngữ văn hoá Hà Nội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
2. Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước* (phương ngữ học), NXB Khoa học Xã hội, 1989.
3. Trịnh Cẩm Lan, “Sự biến đổi cách phát âm của cộng đồng người Nghệ Tĩnh ở Hà Nội”, trong *Ngôn ngữ văn hoá Hà Nội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
4. Nguyễn Thị Kim Loan, “Tiếng nói ở Thủ đô qua các thời kỳ”, Trong *Ngôn ngữ văn hoá Hà Nội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
5. Nguyễn Kim Thản, *Lời ăn tiếng nói của người Hà Nội*, NXB Hà Nội, 1982.
6. Nguyễn Đức Tồn, “Về các khái niệm tiếng Hà Nội, tiếng Thủ đô với các khái niệm liên quan (ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ văn học, phương ngữ nông thôn)”, tạp chí *Ngôn ngữ*, 5/2008.
7. Hoàng Tuệ, “Những vấn đề về phát âm tiếng Việt”, trong *Ngôn ngữ phương tiện thông tin đại chúng*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
8. Nguyễn Văn Khang, “Về khái niệm tiếng Hà Nội”, trong *Hà Nội - những vấn đề ngôn ngữ văn hoá*, NXB Văn hoá - Thông tin, 2001.
9. Nguyễn Văn Khang, “Đô thị hoá ngôn ngữ với vấn đề sử dụng ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay”, tạp chí *Xã hội học*, số 4, 2005, tr. 82-88.
10. Nguyễn Văn Khang, “Mối quan hệ giữa ngôn ngữ học xã hội với phương ngữ học trong tiếp cận phương ngữ với tư cách là đối tượng nghiên cứu”, tạp chí *Ngôn ngữ*, 1/2008.
11. Nguyễn Văn Khang, “Học tập tấm gương sử dụng ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Giữ gìn, phát triển nét đẹp truyền thống và hiện đại của ngôn ngữ văn hoá Thủ đô”, tạp chí *Ngôn ngữ*, 5/2008.
12. Nguyễn Văn Khang, “Những vấn đề chuẩn hoá ngôn ngữ và chuẩn hoá tiếng Việt”, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 12/2008+ 1/2009.